TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 8 năm 2017
"V/v Yêu cầu ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Thiện

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thanh Liên

2. Bà Hoàng Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Thủy**,** cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu *tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 43/2016/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2016 về việc "Yêu cầu ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2017/ QĐ-ST ngày 22/6/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2017, Thông báo v/v thay đổi thời gian xét xử phiên tòa sơ thẩm số 15/2017/TB-TA ngày 21/7/2017 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 15/2017/QĐ-TĐTT ngày 07/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lương L (Luong L), sinh năm 1961 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: USA.

2. Bị đơn: Bà Lương Thị T, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Canada.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại tòa, nguyên đơn ông Lương L (Luong L) trình bày:

Vào khoảng năm 1983 ông Lương L (Luong L) từ miền Trung vào huyện C, tỉnh Đồng Nai làm ăn thì gặp và quen với bà T và nảy sinh tình cảm từ đó, qua thời gian qua lại tìm hiểu nhau được khoảng một năm thì ông L và bà T

quyết định tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào ngày 09/01/1984 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 95, quyển số 01 của UBND xã. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 10 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông L và bà T không hiểu nhau, có sự khác biệt trong lối sống và quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông L và bà T đã ly thân nhau từ năm 2011 đến nay và hiện tại bà T đang sinh sống tại Canada còn ông L đang sinh sống tại Hoa Kỳ từ ngày ly thân nhau đến nay.

Nay, ông L tự nhận thấy không còn tình cảm với bà T nữa, vợ chồng cũng không có điều kiện đoàn tụ nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông L được ly hôn với bà Lương Thị T.

Về con chung: Ông L và bà T có 03 người con chung nhưng các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung, tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án yêu cầu ly hôn của ông Lương L (Luong L), Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã tiến hành các thủ tục ủy thác vào ngày 07/11/2016 để tống đạt Thông báo thụ lý vụ án số 43/2016/TBTL-TA ngày 19/9/2016 của Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Đơn khởi kiện ngày 16/9/2016 của ông Luong L (Lương L) và Giấy chứng nhận kết hôn số 95 ngày 09/01/1984 cho người nhận là bà Lương Thị T nhưng đến nay không có kết quả. Ngày 06/7/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã có Công văn số 296/2017/TAT-DS hỏi Bộ Tư pháp về kết quả ủy thác nhưng đến nay vẫn chưa có văn bản trả lời.

Căn cứ các Điều 228, 477 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 15 thông tư liên tịch số: 15/2011/TTLT-BTP-BNG-TANDTC, ngày 15/9/2011 của liên Bộ Tư pháp, bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử vắng mặt ông Lương L (Luong L) và bà Lương Thị T.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân theo đúng quy định pháp luật, không vi phạm về thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lương L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lương Thị T, sinh năm 1962; Quốc tịch Việt Nam, hiện đang cư trú tại Canada. Căn cứ các Điều 28, 37, 469 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án yêu cầu ly hôn của ông Lương L (Luong L), Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã tiến hành các thủ tục ủy thác vào ngày 07/11/2016 để tống đạt Thông báo thụ lý vụ án số 43/2016/TBTL-TA ngày 19/9/2016 của Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Đơn khởi kiện ngày 16/9/2016 của ông Luong L (Lương L) và Giấy chứng nhận kết hôn số 95 ngày 09/01/1984 cho người nhận là bà Lương Thị T nhưng đến nay không có kết quả. Ngày 06/7/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã có Công văn số 296/2017/TAT-DS hỏi Bộ Tư pháp về kết quả ủy thác nhưng đến nay vẫn chưa có văn bản trả lời.

Căn cứ các Điều 228, 477 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 15 thông tư liên tịch số 15/2011/TTLT-BTP-BNG-TANDTC, ngày 15/9/2011 của liên Bộ Tư pháp, bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử vắng mặt ông Lương L (Luong L) và bà Lương Thị T.

Về nội dung: Vào khoảng năm 1983 ông Lương L (Luong L) từ miền Trung vào huyện C, tỉnh Đồng Nai làm ăn thì gặp và quen với bà T và nảy sinh tình cảm. Qua thời gian tìm hiểu nhau được khoảng một năm thì ông L và bà T quyết định tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào ngày 09/01/1984 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 95, quyển số 01 của UBND xã B. Vì thế Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa ông Lương L và bà Lương Thị T là hôn nhân hợp pháp.

Về hôn nhân, sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 10 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông L và bà T không hiểu nhau, có sự khác biệt trong lối sống và quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông L và bà T đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Hiện tại bà T đang sinh sống tại Canada còn ông L đang sinh sống tại Hoa Kỳ. Nay, ông L nhận thấy không còn tình cảm với bà T, vợ chồng cũng không có điều kiện đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông L được ly hôn với bà Lương Thị T.

Hội đồng xét xử nhận thấy ông Lương L (Luong L) và bà Lương Thị T đã sống ly thân từ năm 2011, hai đương sự không còn quan tâm đến nhau, đồng thời cũng không còn quan hệ với nhau về tình cảm cũng như về kinh tế. Từ năm 2011 ông L sinh sống tại Hoa Kỳ, bà T sinh sống tại Canada nên điều kiện đoàn tụ gia đình không có. Hội đồng xét xử xét thấy trong trường hợp cụ thể này từ năm 2011 đến nay đời sống hôn nhân giữa ông L, bà T không có, mục đích hôn nhân không đạt nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lương L (Luong L).

Về con chung: Có 03 người con chung nhưng đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí, chi phí ủy thác ông Lương L (Luong L) tự nguyện chịu.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 228, 469, 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 15 thông tư liên tịch số 15/2011/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 15/9/2011 của Bộ Tư pháp, bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lương L (Luong L) đối với bà Lương Thị T.

- Về hôn nhân: Ông Lương L (Luong L) được ly hôn với bà Lương Thị T.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Lương L (Luong L) không yêu cầuTòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Lương L (Luong L) phải chịu 200.000 *(hai trăm ngàn)* đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 *(hai trăm ngàn)* đồng theo biên lai thu tiền số 0606 ngày 16/9/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, ông L đã nộp đủ.

3. Về chi phí ủy thác ông Lương L (Luong L) tự nguyện chịu là 150.000 *(một trăm năm mươi ngàn)* đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 150.000 *(một trăm năm mươi ngàn)* đồng theo các biên lai thu tiền số 02601 ngày 22/11/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, ông L đã nộp đủ.

4. Kể từ ngày tuyên án (08/8/2017), ông Lương L (Luong L) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, bà Lương Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Ngọc Thiện

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Lưu: Hồ Sơ; Tòa Dân sự.